Tra cứu Biểu thuế XNK Việt Nam

Chi tiết mã HS 4804.31

Mã HS	4804.31
Mô tả hàng hóa	Giấy và bìa kraft không tráng, ở dạng cuộn hoặc tờ, trừ loại thuộc nhóm 48.02 hoặc 48.03 / - Giấy và bìa kraft khác có định lượng từ 150 g/m2 trở xuống: / - - Chưa tẩy trắng:
Đơn vị	
Thời điểm tạo	04/11/2026 03:16:00
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://mail.vietnamtariff.com/hs-code/480431/

5 dòng thuế thuộc 4804.31

Mã HS	Mô tả hàng hóa	Đơn vị	Thuế NK thông thường	MFN	VAT
4804.31.10	Giấy và bìa kraft không tráng, ở dạng cuộn hoặc tờ, trừ loại thuộc nhóm 48.02 hoặc 48.03 / - Giấy và bìa kraft khác có định lượng từ 150 g/m2 trở xuống: / - - Chưa tẩy trắng: / - - - Giấy kraft cách điện (SEN)	kg	7,5%	5%	8 / 10 (nhiều mức)
4804.31.30	Giấy và bìa kraft không tráng, ở dạng cuộn hoặc tờ, trừ loại thuộc nhóm 48.02 hoặc 48.03 / - Giấy và bìa kraft khác có định lượng từ 150 g/m2 trở xuống: / - - Chưa tẩy trắng: / - - - Có độ bền ướt từ 40 g đến 60 g, dùng để sản xuất băng dán gỗ dán(SEN)	kg	15%	10%	8 / 10 (nhiều mức)
4804.31.40	Giấy và bìa kraft không tráng, ở dạng cuộn hoặc tờ, trừ loại thuộc nhóm 48.02 hoặc 48.03 / - Giấy và bìa kraft khác có định lượng từ 150 g/m2 trở xuống: / - - Chưa tẩy trắng: / - - - Giấy làm nền sản xuất giấy ráp (SEN)	kg	7,5%	5%	8 / 10 (nhiều mức)
4804.31.50	Giấy và bìa kraft không tráng, ở dạng cuộn hoặc tờ, trừ loại thuộc nhóm 48.02 hoặc 48.03 / - Giấy và bìa kraft khác có định lượng từ 150 g/m2 trở xuống: / - - Chưa tẩy trắng: / - - - Loại dùng làm bao xi măng (SEN)	kg	4,5%	3%	8 / 10 (nhiều mức)
4804.31.90	Giấy và bìa kraft không tráng, ở dạng cuộn hoặc tờ, trừ loại thuộc nhóm 48.02 hoặc 48.03 / - Giấy và bìa kraft khác có định lượng từ 150 g/m2 trở xuống: / - - Chưa tẩy trắng: / - - - Loại khác	kg	30%	20%	8 / 10 (nhiều mức)

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.